

Số: 12 /NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH VÀ VSNT TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nước sạch và VSNT tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Nước sạch và VSNT tỉnh Hải Dương.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 - Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	% đạt KH
1	Sản lượng SX	m ³	18.590.000	19.111.633	102,8
2	Sản lượng TP	m ³	15.590.000	16.015.728	102,7
3	Tỷ lệ thất thoát	%	16,2	16,2	Hoàn thành
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	140,5	142,009	101,1
4.1	Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	135,3	135,129	99,9
4.2	Doanh thu ngành nghề khác	Tỷ đồng	5,2	6,88	132,3
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,08	10,529	104,5
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,422	9,697	102,9
7	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	242.317	242.570	100,1
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,89%	4,00%	Tăng
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5	5,49	109,8
10	Phát triển khách hàng mới	Hộ	1.400	2.050	146,4
11	Thanh toán không dùng TM	%	45	89,3	198,4
12	Trả nợ vay	Tỷ đồng	18,214	18,214	100
13	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	8,1	8,2	101,2

Điều 2. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về Kết quả kinh doanh của công ty năm 2025 và kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc

Điều 4. Thông qua Báo cáo tự đánh giá của BKS, thành viên BKS năm 2025

Điều 5. Thông qua việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế, mức cổ tức năm 2025

5.1 Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025:

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025		Tỷ lệ
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.080	10.529	104,5%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	9.422	9.697	102,9%
3	Trừ nghĩa vụ với NN, nộp tiền lợi thu do khai thác vượt cấp quyền	-	1.403	
4	Lợi nhuận còn lại trích quỹ	9.422	8.294	88%
5	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	2.829	1.327	46,9%
6	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	5.142	5.604	109%
7	Trích lập quỹ thưởng bộ phận quản lý Công ty	198	-	
8	Lợi nhuận chưa phân phối	1.253	1.363	108,8%

5.2. Phương án chia cổ tức:

Thực hiện chia cổ tức từ khoản lợi nhuận còn lại sau trích các quỹ là 1,363 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức là 0.59% vốn điều lệ

Điều 6. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2025 và Quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS kế hoạch năm 2026

- Quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2025 cho các thành viên HĐQT, BKS là: 819,9 triệu đồng (đã làm tròn số)

- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty là: 1,21 tỷ đồng

Điều 7. Thông qua chiến lược định hướng phát triển của công ty 5 năm giai đoạn 2026-2030.

Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030 của Công ty với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh thu	147.720	150.200	154.300	158.400	162.600
2	Thuế và các khoản phải nộp	5.500	5.670	5.840	6.010	6.190
3	Lợi nhuận trước thuế	11.582	12.200	12.900	13.700	14.500

Điều 8. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2026.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2025	KH 2026	Tăng trưởng
1	Sản lượng sản xuất	triệu m ³	19,112	19,555	102,32%
2	Sản lượng thương phẩm	triệu m ³	16,016	16,452	102,72%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	16,2	15,9	Giảm
4	Lắp mới khách hàng	hộ	2.050	1.500	73,17%
5	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	142,009	147,72	104,02%
5.1	DT nước sạch	Tỷ đồng	135,129	138,625	102,59%
5.2	DT ngành nghề khác	Tỷ đồng	6,88	9,095	132,19%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,529	11,582	110,00%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,697	10,103	104,19%
8	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	242,570	245,156	101,07%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau	%	3,998%	4,121%	Tăng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2025	KH 2026	Tăng trưởng
	thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)				
10	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,497	5,5	100,05%
11	Thu nhập BQ/người/tháng	Triệu đồng	8,2	8,4	102,44%

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026: (triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	Tỷ lệ
		Thực hiện	Kế hoạch	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.529	11.582	110,0%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	9.697	10.103	104,2%
4	Lợi nhuận còn lại trích quỹ	8.294	10.103	121,8%
3	Trích lập quỹ ĐTPT	1.327	2.829	213,2%
4	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động (2 tháng)	5.604	5.805	103,6%
5	Lợi nhuận chưa phân phối	1.363	1.469	107,8%

Điều 9. Thông qua danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập các báo cáo tài chính năm 2026.

- Danh sách đề xuất lựa chọn các doanh nghiệp kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2026 như sau:

TT	Tên Công ty	Mã số thuế	Địa chỉ	Ngày ĐKKD	Ngành nghề chính
1	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM	0101202228	Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, 165 Cầu Giấy, , Thành phố Hà Nội, Việt Nam	21/01/2002	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế (Ngành nghề chính)
2	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY	0102021062	Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, , Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5/9/2006	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế (Ngành nghề chính)
3	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT	0200511555	Tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, , Thành phố Hà Nội, Việt Nam	27/01/2003	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các Cổ đông chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và tổ chức thực hiện các nội dung của bản nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch và Vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/04/2026. 2

Nơi nhận:

Tài liệu Đại hội;
Như điều 10;
Lưu: VT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Đặng Đức Thành